

Nội dung bài viết

1. [Dàn ý phân tích 2 khổ đầu bài Tràng giang](#)
2. [Phân tích 2 khổ thơ đầu bài Tràng giang ngắn gọn](#)
3. [Phân tích 2 khổ đầu bài Tràng giang ngắn nhất](#)
4. [Phân tích Tràng giang 2 khổ đầu - Mẫu 1](#)
5. [Phân tích 2 khổ thơ đầu bài Tràng giang - Mẫu 2](#)
6. [Phân tích 2 khổ thơ đầu Tràng giang - Mẫu 3](#)
7. [Phân tích 2 khổ đầu bài thơ Tràng giang - Mẫu 4](#)
8. [Phân tích bài thơ Tràng giang 2 khổ đầu - Mẫu 5](#)

Hai khổ đầu bài Tràng giang được tác giả miêu tả về một bức tranh thiên nhiên mênh

Dàn ý phân tích 2 khổ đầu bài Tràng giang

a) Mở bài:

- Giới thiệu sơ lược về tác giả, tác phẩm

+ Huy Cận là một trong những nhà thơ mới nổi tiếng với những tác phẩm mang phong cách rất riêng.

+ Bài thơ Tràng giang (1939) bộc lộ nỗi sầu của một cái tôi cô đơn trước thiên nhiên rộng lớn, trong đó thấm đượm tình người, tình đời, lòng yêu nước thầm kín mà thiết tha

- Giới thiệu 2 khổ thơ đầu: Hai khổ thơ đầu bài đã gợi ra cả không gian rộng ngợp, nhưng tâm trạng của con người lại mang cảm giác sầu buồn, cô đơn, nỗi buồn như trải dài vô tận.

Ví dụ:

Một trong những nhà thơ mới nổi tiếng là nhà thơ Huy Cận, mỗi bài thơ mang một phong cách rất riêng. Thơ của Huy Cận mang phong cách thơ hàm súc, triết lí và phục vụ cho cách mạng của nước ta. Một trong những tác phẩm thơ nổi tiếng là Tràng giang, bài thơ nằm trong tập thơ Lửa thiêng. Bài thơ thể hiện cảnh thu 1939, được sáng tác khi tác giả nhìn bên bờ sông Hồng dưới dòng nước mênh mông sóng nước. Đặc sắc nhất là hai khổ thơ đầu của bài thơ Tràng giang. Chúng ta cùng đi tìm hiểu khổ thơ cuối của bài thơ để hiểu rõ hơn về phong cách thơ của Huy Cận.

b) Thân bài: Phân tích 2 khổ thơ cuối của bài thơ Tràng giang

* Khổ 1: Bức tranh thiên nhiên mênh mang, bất tận

Những vòng nước xô đuổi nhau đến tận chân trời

Qua khổ thơ còn thể hiện nỗi buồn miên man của tác giả

Sự trôi nổi, phó mặc của tác giả trên dòng sông hữu tình

Tâm trạng chia li, tán tác

* Khổ 2: Không gian và thời gian qua bài thơ

Không gian hoang vắng, đìu hiu

Không gian vắng lặng, tĩnh mịch

Không gian được đẩy vô tận

Cảnh vật khiến con người trở nên nhỏ bé

c) Kết bài:

- Nêu cảm nhận của em về 2 khổ đầu bài thơ Tràng giang.

Ví dụ:

Hai khổ thơ đầu của bài thơ Tràng giang thể hiện bức tranh thiên nhiên bất tận và không gian của cảnh núi non. Bên cạnh đó tác giả còn thể hiện niềm yêu quê hương, đất nước của tác giả.

Qua bài thơ ta có hiểu được phong cách thơ nổi bật của tác giả Huy Cận.

Phân tích 2 khổ thơ đầu bài Tràng giang ngắn gọn

Huy Cận là một tác giả nổi tiếng của làng thơ Mới, trong đó ông được biết đến với một hồn thơ “cổ điển nhất”. Ông đã từng tâm sự “Trước Cách mạng, tôi thường có thú vui vào chiều chủ nhật hàng tuần đi lên vùng đê Chèm để ngoạn cảnh sông Hồng. Phong cảnh sông nước đẹp gợi cho tôi nhiều cảm xúc.” Và bài thơ Tràng giang đã được ra đời vào một chiều lãng mạn như vậy của Huy Cận, tác phẩm được in trong tập Lửa Thiêng (1940). Không chỉ có cảnh đẹp của thiên nhiên đất nước, Tràng giang còn chứa đựng tâm trạng, nỗi niềm sâu kín của người thi sĩ. Hãy cùng phân tích 2 khổ thơ đầu bài Tràng giang để thấy rõ được điểu đó.

Thơ là một thể loại mang nhiều ý tứ vì vậy người viết thơ ít bao giờ thể hiện ngay những suy tư của mình trên bề mặt con chữ mà họ thường mượn cảnh thiên nhiên để ngụ tình, sau đó chất lọc qua từng từ ngữ. Bởi vậy muốn hiểu hết dụng ý của nhà thơ,

người đọc phải thật chậm rãi “tháo từng lớp vỏ”, có như vậy mới chạm đến được tầng sâu nhất mà không khiến nó bị “trầy xước” hay “vỡ bể”. Huy Cận cũng không ngoại lệ, mở đầu bài thơ ông đã sử dụng những hình ảnh quen thuộc: con thuyền, dòng sông để qua đó thể hiện cảm xúc của mình:

“Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp,

Con thuyền xuôi mái nước song song.”

Lặp lại vần “ang” trong “tràng giang”, tác giả cho thấy một không gian trải dài, rộng ngợp, đây cũng là điểm nổi bật cho phong cách thơ của Huy Cận. Ngay sau đó tâm trạng của nhà thơ được mở ra với “buồn điệp điệp”. Nỗi buồn bây giờ không phải một cái gì đó mông lung, mơ hồ mà đã được cụ thể hóa, nó như từng đợt sóng đang gối vào nhau trào dâng, cứ thế không ngớt vỗ vào bờ. Đọc câu thơ, ta biết được nỗi buồn ấy chẳng dấy lên trong thời gian ngắn mà âm ỉ kéo dài, tựa như sẽ tồn tại vĩnh cửu. Từ ‘song song’ trong câu thơ sau gợi nên hình ảnh hai vật, hai thế giới nằm cạnh nhau nhưng không bao giờ có sự va chạm, có sự gần gũi nhưng chẳng bao giờ gặp gỡ. Ở đây tác giả như muốn nhấn mạnh sự đơn lẻ, cô độc của con thuyền trên dòng sông đồng thời cũng chính là sự cô đơn của con người bên dòng đời.

Từ trước đến nay, thuyền và nước là hai sự vật luôn gắn bó mật thiết hẽ nhưng trong Tràng giang của Huy Cận chúng lại hờ hững tách rời nhau:

“Thuyền về nước lại, sầu trăm ngả;

Củi một cành khô lạc mấy dòng.”

“Thuyền về” nhưng “nước lại”, hoạt động trái chiều, lạc nhịp này gợi nên sự xa cách để từ đó mang lại cảm giác cô đơn, mất mát “sầu trăm ngả”, nhìn ở đâu cũng chỉ thấy buồn bã, sầu thương. Có thể nói rằng trung tâm của khổ thơ đầu chính là câu “củi một cành khô lạc mấy dòng” và ‘củi một cành khô’ là hình ảnh độc đáo bởi trong thơ ca xưa nay, nhất là thơ trung đại khi chất liệu thơ được đưa vào đầu phải được gọt giũa, chọn lọc như tùng, cúc, trúc, mai chứ ít có sự vật đời thường, giản dị như củi khô. Bên cạnh đó tác giả đã dùng biện pháp đảo ngữ và chắt lọc các từ đơn làm cho câu thơ như bị gãy gập, rời rạc, mất đi sự liên kết. Từ “lạc” ở đây được sử dụng rất đắt, nó cho ta thấy đâu đó một thân phận đơn chiếc bị đẩy đưa ngoài ý muốn, bơ vơ giữa bao dòng nước xiết không biết trôi về nơi đâu. Hình ảnh đặc biệt này chính là ẩn dụ cho số kiếp lênh đênh, lạc lõng của con người giữa nhân gian rộng lớn, để từ đó nỗi buồn cứ trùng điệp chùng chất.

Sang đến khổ thơ thứ hai, tầm nhìn của thi sĩ đã vượt xa khỏi những gì trước mắt để một không gian hoang vắng, tiêu điều từ từ xuất hiện:

“Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu,

Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều.

Đọc những câu thơ này của Huy Cận, ta nhớ đến khung cảnh vắng lặng tương tự trong Chinh Phụ ngâm:

“Non kì quạnh quẽ trăng treo,

Bến Phì gió thổi đìu hiu mấy gò.”

Ngọn gió đìu hiu này đã vượt không gian và thời gian, xuất hiện thêm một lần nữa để làm bu ãn lòng người thi sĩ. Từ láy “lơ thơ” được tác giả đưa lên đầu câu nhằm nhấn mạnh sự thưa thớt, rời rạc của cảnh vật, có mấy hòn đất nhỏ mọc trên dòng “Tràng giang” và trên những hòn đất ấy là những lau và sậy mỗi khi có cơn gió thổi qua ngã nghiêng tách rời, tiêu đi ãu hiu hắt. Qua câu thơ tiếp theo, ta bắt gặp được một không gian mang “hơi người” là chợ, chợ gọi nên bao tiếng mua bán nhộn nhịp, là biểu trưng cho đời sống kinh tế của một vùng thế nhưng ở đây chợ cũng chỉ ở đâu đó vang vọng không rõ, sự sống đã đi vào thế tĩnh, không còn xô b ãu nhộn nhịp, thể hiện qua từ “vãn”. Nguyễn Trãi cũng đã từng viết về chợ nhưng chợ của ông lại náo nhiệt và đông đúc:

“Lao xao chợ cá làng ngư phủ.”

Câu thơ của Huy Cận bu ãn nhưng tinh tế, ông đã khéo léo lấy cái động để nói cái tĩnh, miêu tả tiếng chợ vãn chiều để gọi lên sự vắng lặng của không gian, qua đây nhà thơ muốn bộc lộ mong muốn được giao hòa, giao cảm với con người dù chỉ bằng thính giác. Tìm người người chẳng thấy, tác giả tiếp tục gửi gắm tâm vào thiên nhiên cảnh vật để thơ bu ãn càng bu ãn hơn:

“Nắng xuống trời lên sâu chót vót,

Sông dài trời rộng bến cô liêu.”

Không gian đến đây đã được tác giả mở rộng ra ba chiều là chiều cao, chiều rộng, chiều dài và thậm chí có cả độ sâu. Theo cách diễn đạt thông thường người ta thường nói “cao chót vót” thế nhưng Huy Cận lại dùng “sâu chót vót”, ông đã lấy chiều cao để đo chiều sâu, một đi ãu chưa từng có tiền lệ để người đọc phải ngạc nhiên rằng thật tinh tế và độc đáo. Trong cái bao la, vô tận của vũ trụ là hình ảnh nhỏ bé, cô độc của con người, nhân vật trữ tình ở đây như bị cuốn sâu vào cõi đời hun hút, bị rợn ngợp trước không gian vô cùng tận. Dù không có từ ngữ nào nhắc đến con người ở đây nhưng ta vẫn có thể cảm nhận được đó là một cá thể nhỏ bé, cô độc, lẻ loi đến tội nghiệp. Hai chữ “cô liêu” cuối đoạn thơ được viết ra với âm hưởng man mác một lần

nữa gọi lên nỗi buồn nhân thế, rằng sự sống quá nhỏ nhoi và hữu hạn còn vũ trụ thì vô biên, không ngừng mở rộng đến vô cùng. Nỗi buồn của con người đã lan tỏa khắp không gian, bao trùm lên mọi cảnh vật. Nếu khổ thơ thứ nhất là “cái nhấp nháy” cho nỗi buồn thì đến khổ thơ thứ hai này tâm tư của thi sĩ đã được bộc lộ rõ hơn, sâu sắc hơn. Đó không phải là nỗi buồn của cá nhân Huy Cận mà là cảm xúc chung của cả một thế hệ, đặc biệt là giới văn nghệ sĩ đầu thế kỉ XX.

Tràng giang là bài thơ có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa bút pháp cổ điển và hiện đại. Trong đó cái cổ điển được thể hiện ở thể thơ, cách đặt nhan đề và việc sử dụng bút pháp tả cảnh ngụ tình. Còn hiện đại là ở chỗ xây dựng thi liệu và cách dùng từ mới lạ như “sâu chót vót”. Chỉ với hai khổ thơ đầu của bài, ta đã thấy được tài năng của Huy Cận qua cách chọn lọc từ ngữ vô cùng đắt giá và cách ngắt nhịp thơ hiệu quả. Phân tích 2 khổ thơ đầu bài Tràng giang, ta cảm nhận được cả buồn và đẹp, chúng hòa quyện vào nhau, tạo nên những xúc cảm khó nói thành lời. Chắc chắn rằng tác phẩm này của Huy Cận sẽ sáng mãi trong lòng những người yêu thơ ca dù thời gian có trôi, dòng đời không thôi xô b ò, vùi vã.

Phân tích 2 khổ đầu bài Tràng giang ngắn nhất

Là một trong những nhà thơ nổi tiếng trong phong trào thơ mới, Huy Cận để lại cho kho tàng văn học Việt Nam rất nhiều tác phẩm đặc sắc. Bài thơ “Tràng Giang” được ông viết trong thời kỳ trước cách mạng với một nỗi u buồn, sự bế tắc của một kiếp người, trôi nổi lênh đênh không bến đỗ. Nỗi buồn ấy được thể hiện rõ nét ngay trong 2 khổ thơ đầu.

Mở đầu bài thơ, Huy Cận cho người đọc thấy được những hình ảnh rất đời quen thuộc: sóng, con thuyền, dòng sông để gọi nên cảm xúc:

*“Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp
Con thuyền xuôi mái nước song song”*

Tác giả khéo léo sử dụng âm Hán Việt “ang” cho danh từ “tràng giang” gợi một không gian rộng lớn, rợn ngợp. Đây cũng là một trong những phong cách làm thơ rất nổi bật của Huy Cận. Lúc này, tâm trạng của nhà thơ trở nên “buồn điệp điệp” – nỗi buồn được cụ thể hóa, được ví như từng đợt sóng dâng trào gối vào nhau, liên tiếp vào bờ. Nỗi u buồn ấy dường như t ùn tại vĩnh cửu, cứ âm ỉ và dai dẳng mãi trong lòng tác giả. Từ láy “song song” như muốn nói đến hai thế giới, dù luôn gần gũi ở bên nhau nhưng chẳng bao giờ được gặp nhau.

Thông qua 2 câu thơ, tác giả đã cho chúng ta thấy được sự cô độc, đơn lẻ của con thuyền trên dòng sông, ẩn dụ cho hình ảnh cô độc của con người trên dòng đời. Huy Cận đã thành công sử dụng nghệ thuật tương phản đối lập để tạo nên nét cổ kính cho câu thơ. Con thuyền và dòng nước luôn gắn bó mật thiết với nhau, nhưng qua cách

thể hiện của nhà thơ chúng lại có hành động trái chiều, lạc nhịp gọi cảm giác cách xa, cô đơn,

*“Thuyền về nước lại sâu trăm ngả
Củ một cành khô lạc mấy dòng”*

Có lẽ Huy Cận là người đầu tiên sử dụng hình ảnh cành củi khô trong lời thơ của mình, một hình ảnh độc đáo và táo bạo. Tác giả muốn cho mọi người thấy những nét phá cách trong phong trào thơ mới, khi mà trước đây những vật tằm thường rất ít được cho vào. Hình ảnh củi khô đời thường với một vẻ đẹp giản dị lại có một giá trị biểu đạt ghê gớm. Huy Cận khéo léo sử dụng biện pháp nghệ thuật đảo ngữ và chọn lọc những từ đơn để miêu tả sự cô đơn của cành củi khô lênh đênh trong sự vô tận của dòng nước.

Trong khổ thơ thứ 2, tác giả miêu tả cảnh vật cô quạnh, vắng vẻ với không gian mở rộng:

*“Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều
Nắng xuống trời lên sâu chót vót
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu”*

Các từ láy “lơ thơ”, “đìu hiu” gợi nên sự nhỏ bé, ít ỏi giữa một không gian mênh mông vô tận – đây chính là sự cảm nhận bằng thị giác. Ngoài thị giác thì tác giả còn có những cảm nhận bằng thính giác với những âm thanh của cuộc sống với tiếng làng xa vãn chợ chiều. Màu nắng chiều cùng với cảnh vật sông dài, trời rộng, bến thuyền cô liêu càng khắc họa nỗi cô đơn, nỗi buồn của con người trước cuộc đời. Người đọc có thể dễ dàng cảm nhận thấy sự vô vọng của tác giả khi không thể tìm thấy sợi dây liên hệ nào với cuộc đời.

Hai khổ thơ đầu bài “Tràng Giang” của tác giả Huy Cận mang đến một không gian rộng ngợp với nỗi buồn và sự cô đơn trải dài vô tận. Một sự lẻ loi, đơn côi của con người trước dòng đời, không tìm thấy sự kết nối với thế giới ngoài kia. Cũng có lẽ vì vậy mà tác phẩm luôn được nhiều độc giả yêu thích, không bị bụi của thời gian phủ mờ.

Phân tích Tràng giang 2 khổ đầu - Mẫu 1

“Trên cánh đồng văn chương màu mỡ người nghệ sĩ như những hạt cát bụi bay lượn trong không khí để tìm cho mình những dư vị còn lại”. Với Huy Cận ông tìm về nơi

lặng tờ của quê hương, xứ sở đó là dòng sông Hồng đỏ nặng phù sa, nguồn cảm hứng của ông được khơi nguồn từ đó và đọng lại ở “Tràng Giang” đi đâu đó được thể hiện trong hai đoạn thơ đầu của bài thơ.

“Thơ là tiếng nói của tình cảm và cảm xúc. Nếu không có cảm xúc thì người nghệ sĩ không thể sáng tạo nên những vần thơ hay ngôn từ cũng chỉ là xac chữ nằm thẳng đơ trên trang giấy”. Trước hết thi sĩ phải là người có tâm hồn, giàu rung cảm, cảm thông sâu sắc trọn vẹn với khoảnh khắc của cuộc đời thì cảm xúc mãnh liệt mới dạt dào được. Chính những cảm xúc đó đã thôi thúc tác giả sáng tác về quê hương với hình ảnh thiên nhiên quen thuộc. Huy Cận với những rung cảm, ông đã chuyển hóa thành cảm xúc mà viết thành thơ. Và Tràng giang là một trong những tác phẩm sắc của ông, bài thơ được gọi cảm xúc và một buổi chiều năm 1939 tác giả đứng ở bên bờ Nam Bến Tràng, trước cảnh sông Hồng mênh mang sông nước, những cảm xúc thời đại đã dôn vể, thi sĩ thấy cái tôi của mình quá nhỏ bé với vũ trụ bao la. Nên ông đã viết bài thơ này, và hai khổ thơ đầu của bài thơ là cảnh sông Hồng mênh mang là những nỗi buồn vạn cổ của thi sĩ trước cảnh vật

“Sóng gợn Tràng Giang buồn điệp điệp

Con thuyền xuôi mái nước song song

Thuyền về nước lại sầu trăm ngả

Củi một cành khô lạc mấy dòng

lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu

đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều

nắng xuống trời lên sâu chót vót

Sông dài trời rộng bến cô liêu”

Mở đầu là cảnh sông Hồng mênh mang sóng nước, ở khổ thơ đầu tác giả sử dụng một loạt các từ: “thuyền, nước” là các từ mà nhà thơ xưa hay dùng để miêu tả cảnh thiên nhiên đẹp đẽ. Đây như là một bức tranh thủy mặc, đầy đủ cảnh sông nước lãng mạn, tĩnh lặng êm đềm nhưng lại buồn đến tê tái. Nói về nỗi buồn ấy, Hoài Thanh đã nhận xét: “thiên nhiên trong thơ mới đẹp nhưng lại thấm đượm Nỗi buồn da diết bàng Khuâng”. Nỗi buồn đó lại được Huy Cận lý giải rằng “chúng tôi lúc đó có một nỗi buồn thế hệ, nỗi buồn không tìm được lối ra nên kéo dài triền miên”. Đó là nỗi buồn của những con người sống trong cảnh nước mất nhà tan, có lẽ thế nên trong dòng Tràng Giang chỉ có một giải buồn bát ngát

*“Sóng gợn Tràng Giang buồn điệp điệp
Con thuyền xuôi mái nước song song”*

từ “điệp điệp” là gợi tả những con sóng gợn lên hết lớp này đến lớp khác, triền miên vô tận. Buồn điệp điệp miêu tả cái buồn thiên nhiên nhưng thực chất nó đang diễn tả một nỗi buồn của thi nhân, đang gợn lên theo từng đợt sóng. Những con sóng vỗ vào bờ. Thuyền và nước là hai cảnh vật luôn đi cùng nhau gắn bó với nhau không bao giờ xa cách, vậy mà trong mắt Huy Cận nó trở nên bơ vơ lạc lõng. Từ đó mà nỗi sầu của nhà thơ lan tỏa ra vũ trụ “sầu trăm ngả” ở đây không gian vừa được mở ra về chiều rộng, vừa vươn lên theo chiều dài. Vì vậy hình ảnh này khiến ta liên tưởng đến hai câu thơ trong bài “trăng cao” của Đỗ Phủ

*“vô biên niên mộng tiêu tiêu hạ
Bất tận Trường Giang cổ cổ lai”*

thuyền là hiện diện của sự sống con người nhưng rồi sự xuất hiện ấy cũng chỉ lướt qua trong chốc lát, sau đó nó lại nép mình vào bến bờ. Trả lại sự bình yên, nhìn luông sóng “Con thuyền xuôi mái” Đây là một sự liên tưởng đến sự lạc lõng kiếp sống trôi nổi, phải chăng tác giả cũng từng sống trong hoàn cảnh ấy.

*“Thuyền về nước lại sầu trăm ngả
Củi một cành khô lạc mấy dòng”*

ở hai câu thơ này Huy Cận đã sử dụng phép đối hết sức táo bạo. Chỉ đối ý, đối hình mà câu thơ vẫn cân xứng hài hòa con thuyền và cành củi khô đang cùng trôi nổi trên dòng Trường Giang. Trong thơ của Huy Cận đã nói nhiều đến nỗi sầu vạn cổ, buồn thiên thu. Đến bài thơ này ta lại bắt gặp một cái xấu nữa “sầu trăm ngả” không chỉ với ba từ ấy thôi ta đã thấy sầu của thi sĩ trải dài khắp cảnh vật nơi đây. Nếu trong thơ xưa thi sĩ thường dùng các chất liệu tùng cúc trúc mai, làm chất liệu sáng tác thì ở đây Huy Cận lại đưa vào trong thơ một hình ảnh rất đối bình thường và quen thuộc “Củi khô” nhận xét về cành củi khô đó Nguyễn Đăng Mạnh đã viết “lần đầu tiên trong lịch sử thơ ca nhân loại có một cành củi khô trôi dạt giữa dòng trong thơ Huy Cận”. Như nỗi buồn của kiếp người trong xã hội cũ, khổ thơ này được xem là khổ thơ đặc sắc nhất của bài thơ, vì ở đây mang âm điệu buồn tê tái, khám phá được ở đó là cảnh vật thiên nhiên tràn ngập nỗi buồn, da diết... cảnh trời rộng sông dài ở đây diễn tả sự mệnh mang, trống rỗng thể hiện nỗi buồn triền miên của Huy Cận và cảnh sông Hồng.

Tiếp với nỗi sầu vạn cổ, buồn thiên thu ấy, nỗi buồn được nhân lên gấp bội. Bức tranh sông nước được vẽ thêm đất, thêm làng nhưng vẫn buồn đến tê tái, nỗi buồn ấy được gợi tả từ những cồn nhỏ, thêm vào đó là sự hiu hắt thổi nhẹ của gió, sự tĩnh lặng vắng vẻ của cảnh vật,

*“lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu
đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều”*

Huy Cận nói ông đã được đọc hai chữ đìu hiu ấy từ Chinh Phụ Ngâm

*"Non kì quạnh quẽ trăng treo
bên Phi gió thổi đìu hiu mấy gò”*

Cảnh sắc trong Chinh Phụ Ngâm đã vắng lặng, hiu hắt nhưng cảnh trong Tràng Giang lại vắng vẻ hiu hắt hơn. Từ láy lơ thơ diễn tả sự thừa thớt, rời rạc của những cồn nhỏ mọc lên giữa lòng trắng xanh thể hiện nỗi buồn man mác theo gió nhẹ thấm lên từng cảnh vật, nhà thơ muốn tìm đến hơi ấm của con người để xua bớt đi cái lạnh lẽo, hiu quạnh ở đây nhưng

“đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều”

tiếng chợ ở đâu không xác định được, từ xưa Nguyễn Trãi đã dùng vẻ âm thanh ấy trong bài Cảnh Ngày Hè

*“lao xao chợ cá làng Ngư Phủ
Đắng dỏi cầm ve lầu tịch dương”*

Âm thanh của tiếng chợ vẫn đã mất dần và không xác định được. Như vậy nhà Thơ lấy động tả tĩnh để miêu tả nỗi buồn sâu lắng của thi sĩ, hai câu thơ tiếp của khổ thơ bức tranh vô biên của Tràng Giang đã đạt đến sự khôn cùng

*“nặng xuống trời lên sâu chót vót
Sông dài trời rộng bến cô liêu”*

Đến đây Huy Cận miêu tả không gian ba chiều giữa cảnh và người, thi sĩ như một vật nhỏ bé chơi vơi giữa bến đò với những vật nặng trên bầu trời chiếu xuống mặt đất trong xanh, khiến ta liên tưởng đến bầu trời xanh được đẩy lên cao hơn, xa hơn. Ở đây tác giả không dùng chữ “cao chót vót” mà lại dùng “sâu” để diễn tả độ cao của trời xanh, từ đó cho chúng ta thấy rằng đứng trước cảnh vật ấy con người càng lạc lõng nhỏ bé cô đơn đến tột cùng. Chính sự lạc lõng ấy đã tạo nên cho hai khổ thơ này một nỗi buồn tê tái, mang đậm cảm xúc tình cảm của thi sĩ, và nỗi buồn ấy ẩn chứa nỗi sầu vạn cổ, buồn thiên thu của tác giả.

Thành công của hai khổ thơ chính là sự sáng tạo nghệ thuật, sự kết hợp hài hòa giữa cổ điển và hiện đại. Sử dụng nhiều thi liệu trong thơ cổ, từ ngữ giản dị, giàu hình ảnh. Góp lại những trang thơ của Huy Cận ta không quên được nỗi buồn tê tái của thi sĩ trước cảnh vật, cảnh nước mất nhà tan. Bài thơ vừa mang đậm phong cách của

Huy Cận, vừa là một dấu son chói lọi trong nền thơ ca Việt Nam và trong lòng bạn đọc.

Phân tích 2 khổ thơ đầu bài Tràng giang - Mẫu 2

Mỗi một nhà thơ trong phong trào thơ Mới đều diện cho mình một bộ y phục tối tân khác nhau, một phong cách, một giọng riêng không tìm thấy trong bất kì cổ họng của một người nào khác. Và Huy Cận, bằng nỗi sầu nhân thế, sầu vũ trụ, ông đã đem lượm lặt chút buồn rải rác để gộp nhặt nên những vần thơ âu sầu, ảo não trong “Tràng Giang”. Đặc biệt với 2 khổ đầu bài thơ, bức tranh thiên nhiên hùng vĩ mà đượm buồn cùng tâm trạng bơ vơ, bế tắc đã góp phần làm nên sắc thái rất riêng, rất Huy Cận.

Có thể nói, từng khổ thơ trong Tràng Giang đều được coi như những bài thơ riêng, mỗi khổ đều mang những hương vị vừa cổ điển, vừa hiện đại, đều chứa những đặc sắc hấp dẫn. Khổ đầu:

“Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp

Con thuyền xuôi mái nước song song

Thuyền về nước lại sầu trăm ngả

Củi một cành khô lạc mấy dòng.”

Hình ảnh “tràng giang” gợi lên một con sông dài, rộng hùng vĩ, với những đợt sóng tung bọt trắng xóa, biểu trưng cho vẻ hùng vĩ của thiên nhiên, sông nước. Nhưng, những đợt sóng ấy lại cứ nổi dài triền miên, gối đầu nhau trong những cơn buồn “điệp điệp”. Con thuyền lại một lần nữa xuất hiện, đó là hình ảnh khá quen thuộc ta từng gặp trong nhiều tứ thơ khác:

“Cô chu nhất hệ cố viên tâm.” (Con thuyền buộc chặt mối tình quê).

(Thu hứng-Đỗ Phủ).

Con thuyền trên sông đưa tiễn người bạn tri kỉ trong thơ của Lí Bạch ở bài “Tống mạn hạo nhiên chi Quảng lăng”:

“Cô phàm viễn ảnh bích không tận

Duy kiến Trường Giang thiên tế lưu.”

Hình ảnh con thuyền đã trở thành một thi liệu quen thuộc, cổ điển thường gợi sự cô đơn. Con thuyền ấy trôi dạt mênh mông, vô định trên sông nước, gợi sự cô đơn và vô

định của kiếp người. Thuyền và nước gắn liền nhau, ở đây nước sông và con thuyền lại chia đôi ngã, thuyền xuôi mái song song, từ đó thấy sự bơ vơ, lạc lõng của kiếp người trôi nổi. Để con thuyền và nước sông vốn gắn bó ấy mà lại chia xa, khiến cho “thuyền về nước lại sầu trăm ngã” để bỏ buồn cho dòng sông. Phải chăng chính nỗi buồn của hồn người đã bỏ buồn cho cảnh vật. câu thơ cuối khổ là một hình ảnh ngồn ngộn chất sống được đưa vào thơ, đây cũng chính là tinh thần thơ Mới, là sự sáng tạo của Huy Cận để thấy được ý thức “tập cổ mà không nệ cổ”:

“Củi một cành khô lạc mấy dòng.”

Hình ảnh một cành củi khô đã được hoán đổi bằng tài năng và sự tinh tế trong chọn lựa và diễn đạt của Huy Cận. nếu thơ ca trung đại thường hay chọn những hình ảnh ước lệ sang trọng thì đến thơ Huy Cận, ông đã sẵn sàng đưa những chất sống ngồn ngộn, sống sít của đời sống thực tại phồn tạp vào thơ ca “cành củi khô”, rất chân thực và gần gũi với cuộc sống hàng ngày và khiến những vật vô tri vô giác cũng trở nên có linh hồn. cành củi khô đã gợi đến sự sống héo úa, ủ nát và mất hết dần tính chất sống, hay chính là sự chết chóc vì củi khô còn đâu nhựa sống nữa. Nhưng còn buồn bã và đau đớn hơn là cành củi khô ấy còn “lạc mấy dòng”, cho thấy sự cô đơn, lạc lõng và bế tắc của kiếp người. Hình ảnh một cành củi khô lạc mấy dòng ấy hay chính là ẩn dụ cho thân phận và số kiếp lênh đênh, lạc lõng bơ vơ của con người giữa cuộc sống xô bồ, nhộn nhịp này chăng? Qua đó, kín đáo bày tỏ một niềm đau nỗi xót của Huy Cận. sang đến khổ thơ thứ hai, khung cảnh lại được tô vẽ thêm những nét tiêu điếu, thô lương:

“Lơ thơ cồn cỏ gió đìu hiu

Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều

Nắng xuống trời lên sâu chót vót

Sông dài trời rộng bến cô liêu.”

Hình ảnh cồn cỏ lơ thơ, đìu hiu xác xơ một lần nữa thêm vào những nét vẽ tiêu điếu, xơ xác cho cảnh vật. có duy nhất một hình ảnh về sự sống được xuất hiện nhưng cũng lẩn vẩn, ít ỏi. Chợ là biểu trưng cho cuộc sống sôi động, nhộn nhịp và đời sống kinh tế của một vùng, Đây thế mà chợ ở đây cũng đâu đó vang vọng không rõ, đã vẩn từ lâu sự sống đã đi vào thế tĩnh, không còn nhộn nhịp như trước nữa. Tiếp tục những nét vẽ cho bức tranh phong cảnh, không gian hiện ra càng thêm hùng vĩ. Nắng dãn xuống tận đáy sông và hình ảnh trời dãn lên về phía cao, khiến cho mặt phẳng không gian như bị chia cắt, bị nén chặt và cắt giữa, gây cảm giác ngột thở, khó chịu cho nhân vật trữ tình. Sông dài đấy, nhưng bến cô liêu, lại một lần nữa sự cô đơn xuất hiện đầy những nỗi buồn càng thấm sâu vào ba chiều của không gian, thấm tẽ tãi vào lòng người.

Qua 2 khổ thơ đầu, với những hình ảnh cổ điển quen thuộc và chất hiện đại chính là ở tinh thần cái tôi thơ Mới. Cũng là nỗi buồn nhưng nó không còn gắn với quan niệm và chuẩn mực về đạo đức, trung hiếu tiết nghĩa như thơ ca trung đại, mà đó là nỗi buồn của riêng cá nhân cảm thấy bơ vơ, bế tắc và lạc lõng trước thực tại. Thiên nhiên vì thế dù mệnh mông, hùng vĩ nhưng rất cô liêu và tiêu điếu, hoang sơ. Bằng tình yêu thiên nhiên và trái tim của một cái tôi thơ Mới, với những giọng riêng, Huy Cận đã làm nên những vần thơ thật tinh tế mà thấm đượm cảm xúc buồn bã, thê lương.

Phân tích 2 khổ thơ đầu Tràng giang - Mẫu 3

Huy Cận là nhà thơ nổi tiếng trong phong trào Thơ mới (1930-1945) với những tác phẩm có sự kết hợp giữa yếu tố hiện đại và cổ điển. Phong cách sáng tác của ông có sự khác biệt lớn gắn liền với hai thời điểm: trước cách mạng tháng Tám và sau cách mạng tháng Tám. Có thể nói đó là sự chuyển biến từ nỗi u sầu, buồn bã vì thời thế trước cách mạng cho đến không khí hào hứng vui tươi sau cách mạng gắn với công cuộc đổi mới. Bài thơ “Tràng giang” được viết trong thời kì trước cách mạng với một nỗi niềm chất chứa u buồn, gọi lên sự bế tắc trong cuộc sống của kiếp người trôi nổi lênh đênh. Bài thơ để lại trong lòng người đọc nhiều nỗi niềm khó tả.

Ngay từ nhan đề bài thơ, tác giả đã có thể khái quát được tư tưởng và cảm xúc chủ đạo của bài thơ. Hai chữ “Tràng giang” có thể nói là một con sông dài, mệnh mông và bát ngát. Từ Hán Việt này khiến người ta liên tưởng đến những bài thơ Đường của Trung quốc. Nhưng chính tràng giang này cũng gọi lên được tâm tư của người trong cuộc khi muốn nhắc tới những thân phận nổi trôi, bé nhỏ sống lênh đênh trên con sông dài tâm tưởng và sông của nỗi u uất như thế.

Lời đề từ “Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài” một lần nữa khái quát nên chủ đề của bài thơ chính là nỗi niềm không biết bày tỏ cùng ai khi đứng giữa trời đất mệnh mông và bao la. Cả bài thơ toát lên được vẻ đẹp vừa hiện đại vừa cổ điển, cũng là đặc trưng trong thơ của Huy Cận.

Bước vào bài thơ, khổ thơ đầu tiên đã khiến người đọc liên tưởng đến một con sông chất chứa bao nỗi buồn sâu thẳm:

Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp

Con thuyền xuôi mái nước song song

Thuyền về nước lại sầu trăm ngả

Củi một cành khô lạc mấy dòng

Với một loạt từ ngữ gợi buồn thể lương “buồn”, “xuôi mái”, “sầu trăm ngã”, lạc mấy dòng” kết hợp với từ láy “điệp điệp”, “song song” dường như đã lột tả hết thần thái và nỗi buồn vô biên, vô tận của tác giả trong thời thế nhiều bất công như thế này.

Ngay khổ thơ đầu, nét chấm phá của cổ điển đã hòa lẫn với nét hiện đại. Tác giả đã mượn hình ảnh con thuyền xuôi mái và hơn hết là hình ảnh “củ khô” trôi một mình, đơn lẻ trên dòng nước mênh mông, vô tận, vô định. Sức gợi tả của câu thơ thực sự đầy ám ảnh, một con sông dài, một con sông mang nét đẹp u buồn, trầm tĩnh càng khiến người đọc thấy buồn và thể lương.

Vốn dĩ thuyền và nước là hai thứ không thể tách rời nhau nhưng trong câu thơ tác giả viết “thuyền về nước lại sầu trăm ngã”, liệu rằng có uẩn khúc gì chăng, hay là sự chia lìa không báo trước, nghe xót xa và nghe quạnh long hiu hắt quá. Một nỗi buồn đến tận cùng, mênh mang cùng sông nước dập dềnh. Điểm nhấn của khổ thơ chính là ở câu thơ cuối với hình ảnh “củ” gợi lên sự đơn chiếc, bé nhỏ, mỏng manh, trôi dạt khắp nơi. Có thể nói câu thơ đã nói lên được tâm trạng của các nhà thơ mới nói chung ở thời kỳ đó, một kiếp người đa tài nhưng vẫn long đong, loay hoay giữa cuộc sống bèo chạt chội như thế này.

Đến khổ thơ thứ hai dường như nỗi hiu quạnh lại được tăng lên gấp bội:

Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu

Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều

Nắng xuống trời lên sâu chót vót

Sông dài, trời rộng, bến cô liêu

Hai câu thơ đầu phảng phất một khung cảnh buồn thiu, đìu hiu và vắng lặng của một làng quê thiếu sức sống. Đó có phải là quê hương của tác giả hay không. Hình ảnh “cồn nhỏ” nghe rất rõ tiếng gió đìu hiu đến tái lòng ở ven dòng sông dường như khoác lên mình một nỗi buồn mặc định.

Ngay cả một tiếng ồn ào của phiên chợ chiều ở nơi xa cũng không thể nghe thấy, hay có chăng phiên chợ ấy cũng buồn đến hiu quạnh như thế này. Một câu hỏi tu từ gợi lên bao nỗi niềm chất chứa, hỏi người hay là tác giả đang tự hỏi bản thân mình. Từ “đâu” cất lên thật thể lương và không điểm tựa để bầu vùi. Khung cảnh hoang sơ, tiêu đi đâu nơi bến nước không có một bóng người, không có một tiếng động thật chua xót.

Hai câu thơ cuối tác giả mượn hình ảnh trời và sông để đặc tả sự mênh mông vô định. Không phải trời “cao” mà là trời “sâu”, lấy chiều cao để đo chiều sâu thực sự là nét tài tình, tinh tế và độc đáo của Huy Cận. Hình ảnh sông nước mênh mông và một chữ “cô liêu” ở cuối đoạn dường như đã lột tả hết nỗi buồn sâu thẳm không biết ngỏ cùng ai ấy.

Ở khổ thơ thứ ba, tác giả muốn tìm thấy sự ấm áp nơi thiên nhiên hiu quạnh này nhưng dường như thiên nhiên không như lòng người mong ngóng:

Bèo dạt về đâu hàng nổi hàng

Mênh mông không một chuyến đò ngang

Không cầu gọi chút niềm thương nhớ

Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng

Sang khổ thơ thứ 3 dường như người đọc nhận ra một sự chuyển biến, sự vận động của thiên nhiên, không còn u buồn và tĩnh lặng đến tê lương như ở khổ thơ thứ hai nữa. Từ “dạt” đã diễn tả thật tinh tế sự chuyển biến của vạn vật này. Tuy nhiên từ ngữ này gắn liền với hình ảnh “bèo” lại khiến cho tác giả thất vọng vì “bèo” vốn vô định, trôi nổi khắp nơi, không có nơi bầu vịu cứ lặng lẽ dạt “về đâu”, chẳng biết dạt về đâu, cũng chẳng biết dạt được bao nhiêu lâu nữa. Mặt nước mênh mông không có một chuyến đò. Tác giả chỉ đợi chờ một chuyến đò để thấy được rằng sự sống đang tồn tại nhưng dường như đi đâu này là không thể.

Mong ngóng gửi niềm thương nỗi nhớ về quê hương nhưng tác giả nhận lại là sự im lặng của vạn vật quanh đây qua từ láy “lặng lẽ” đến tê lương và điều hiu.

ở khổ thơ cuối dường như bút pháp của tác giả được đẩy lên cao nhất, nét vẽ chấm phá dung rất đặc điệu:

Lớp lớp mây cao đùn núi bạc

Chim nghiêng cánh nhỏ bóng chiều sa

Lòng quê dợn dợn vời con nước

Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà

Có thể nói tư tưởng cũng như tâm tình của nhà thơ được gửi gắm qua khổ thơ này. Nét chấm phá “mây cao” và “núi bạc” giống như trong thơ Đường càng thêm sâu, thêm buồn hơn. Hình ảnh “chim nghiêng cánh” và “bóng chiều sa” là sự hữu hình hóa cái vô hình của tác giả. Bóng chiều làm sao có thể nhìn thấy được nhưng qua

ngòi bút và con mắt của tác giả người ta đã hình dung ra được trời chi ầu đang dần buông xuống.

Phân tích hai khổ thơ đầu bài Tràng giang đầy thi vị nhưng tới hai câu thơ cuối cùng chính là nỗi nhớ nhà, nhớ quê hương của tác giả chẳng biết gửi vào đâu, chỉ biết chất chứa đong đầy trong trái tim. Câu thơ của Huy Cận khiến chúng ta liên tưởng đến tứ thơ của Thôi Hiệu:

Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai

Là sóng của sông hay là sóng trong lòng người

Phân tích 2 khổ đầu bài thơ Tràng giang - Mẫu 4

Thơ là cây đàn muôn điệu của tâm hồn của nhịp thở con tim, thơ diễn tả rất thành công mọi cung bậc cảm xúc của con người, niềm vui, nỗi buồn sự cô đơn tuyệt vọng. Có những tâm trạng của con người chỉ có thể diễn đạt bằng thơ, vì vậy thơ không chỉ nói hộ lòng mình mà thơ còn thể hiện những băn khoăn suy nghĩ về sự biến đổi của thế sự với cảm xúc dạt dào khi thấy cái tôi nhỏ bé trước vũ trụ bao la Huy Cận đã viết nên tác phẩm “Tràng Giang”, đặc biệt qua hai khổ thơ đầu của đoạn thơ ta cảm nhận rõ được đi ầu đó.

Quả không sai khi nói rằng với người làm thơ, thơ là phương tiện biểu đạt cho cảm xúc cảm xúc chân thành, mãnh liệt mới là cơ sở tạo nên một tác phẩm nghệ thuật chân chính, cảm xúc càng mãnh liệt, thăng hoa thơ càng có sức ám ảnh trái tim bạn đọc.

Mang trong mình sứ mệnh cao cả của một nhà thơ khi sáng tạo nghệ thuật cùng với nỗi buồn thế sự đầy sâu sắc Huy Cận đã xây dựng được một phong cách hoàn toàn mới mẻ, khác với những nhà thơ cùng thời. Tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật của ông có thể kể đến “Tràng Giang”, theo lời kể của Huy Cận bài thơ được gợi cảm xúc từ một buổi chi ầu thu năm 1939 khi tác giả đứng ở bờ Nam Bến Chèm. Trước cảnh sông H ồng mênh mang sóng nước, những cảm xúc thời đại đã dần về khi thi sĩ thấy cái tôi của mình quá nhỏ bé so với vũ trụ nên ông đã gửi gắm vào trong tác phẩm.

Và cảm xúc của nhà thơ có lẽ thể hiện rõ nhất qua hai khổ thơ đầu.

“Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp

Con thuyền xuôi mái nước song song.

Thuyền về nước lại sầu trăm ngả,

*Cúi một cành khô lạc mấy dòng
Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu,
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều
Nắng xuống trời lên sâu chót vót,
Sông dài trời rộng bến cô liêu”.*

Hai khổ thơ là bức tranh thiên nhiên sông nước hùng vĩ đồng thời ẩn chứa trong đó là một trái tim đa sầu, đa cảm với biết bao cảm xúc chan chứa không nói nên lời.

Mở đầu bài thơ Nhà thơ Huy Cận đã sử dụng một loạt các thi liệu trong thơ Đường “thuyền, sóng”. Đây là một bức tranh đẹp nhưng lại buồn đến tê tái, nói về đi đầu này nhà phê bình Hoài Thanh đã nhận xét thiên nhiên trong thơ mới đẹp, nhưng lại buồn đến da diết băng khuâng. Nỗi buồn đó được lý giải trong câu nói của Huy Cận lúc đó chúng tôi mang một nỗi buồn đó là nỗi buồn thế hệ, chưa làm được gì cho đất nước trước cảnh nước mất nhà tan.

*“Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp,
Con thuyền xuôi mái nước song song”.*

Từ “điệp điệp”, đã diễn tả tinh tế hình tượng của sóng nước. Những con sóng ấy sao hết lớp này đến lớp khác triền miên, vô tận. Ở đây nhà thơ miêu tả cái buồn của thiên nhiên hay cái buồn của con người, có lẽ là cả hai bởi Nguyễn Du từng viết.

*“Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu,
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ”.*

Dường như nỗi buồn của tâm cảnh đã nhuốm vào ngoài cảnh để rồi những nỗi buồn ấy gọi lên theo từng đợt trong lòng thi nhân.

Thuyền và nước là hai sự vật luôn đi cùng với nhau vậy mà ở trong tác phẩm này nó lại trở nên bơ vơ, lạc lõng. Thuyền là hiện diện của sự sống con người, nhưng đó chỉ là sự xuất hiện thoáng qua trong giây lát, “con thuyền xuôi mái” là hình ảnh thực nhưng cũng đầy chất suy tưởng nó gợi cho ta nhớ tới hình ảnh của những kiếp người trôi nổi, lạc lõng không biết đi đâu. Phải chăng chính Huy Cận cũng đã bắt gặp bóng dáng đó trong cuộc đời mình khi: “Băng khuâng đứng giữa hai dòng nước, Chọn một dòng hay để nước trôi đi”.

“Thuyền về nước lại sầu trăm ngả,

Củ một cành khô lạc mấy dòng”.

Con thuyền và cành củi khô là hai hình ảnh được sử dụng hết sức táo bạo, chúng đang cùng xuôi trên dòng tràng giang. Trong thơ của mình Huy Cận đã nhiều lần nhắc đến nỗi sầu buồn thiên thu, đến đây ta lại bắt gặp thêm một nỗi sầu nữa đó là sầu trăm ngả, chỉ với 3 từ cùng một cành củi khô đã nói lên được hình ảnh của những kiếp người nhỏ bé trong xã hội cũ, nếu trong thơ trung đại mỗi hình ảnh chất liệu đưa vào thơ đều phải được gọt giũa, chọn lọc như tùng, cúc, trúc, mai thì trong Tràng Giang Huy Cận đã đưa vào một hình ảnh rất đời thường: củi khô.

Phải chăng cành củi khô ấy cũng chính là nỗi cô đơn lạc lõng trong lòng tác giả, chính lúc bắt gặp cành củi khô ấy tác giả đã đối diện với những cái hữu hạn lớn lao của đất trời từ đó nỗi sầu nhân thế ấy đã được nêu lên trở thành nỗi buồn chung của một thế hệ thanh niên yêu nước. Vẫn là bức tranh thủy mặc sông nước ấy nhưng nó đã được vẽ thêm đất, thêm làng vậy mà nỗi buồn tái tê ấy vẫn hiện diện, nó được gọi lên qua sự tiêu đi đầu của những cồn cỏ, sự hiu hắt của gió và sự vắng vẻ của cảnh vật.

“Lơ thơ cồn cỏ gió đìu hiu,

Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều”,

Trong Chinh Phụ ngâm ta đã từng bắt gặp:

“Non kỳ quạnh quẽ trăng treo,

Bến phì gió thổi đìu hiu mấy gò”.

Dường như ngọn gió đìu hiu ấy đã vượt thời gian, xuyên không gian và trôi vào thơ Huy Cận. Từ láy “lơ thơ”, đã diễn tả được sự thưa thớt, rời rạc của những hòn đất nhỏ mọc trên dòng “Tràng Giang”. Trên những cồn đất ấy là hình ảnh của những cây lau, cây sậy mỗi khi gió thoảng qua nó trở nên hắt hiu tiêu đi đầu.

Câu thơ như chùng xuống càng xoáy sâu vào tâm hồn của nhà thơ, khiến ông càng trở nên bất lực và muốn tìm đến hơi ấm của con người. “Đâu tiếng làng xa”, là ở đâu không xác định, âm thanh ấy nghe thật mơ hồ, vậy mà đó lại là âm thanh của chợ đã vẫn nghe càng buồn hơn, cũng viết về chợ nhưng trong thơ của Nguyễn Trãi hình ảnh ấy lại hiện lên thật náo nhiệt đông đúc.

“Lao xao chợ cá làng ngư phủ”

Vui nhất là âm thanh của chợ vui, buồn nhất là âm thanh của chợ vắng. Ở câu thơ này cái tinh tế của Huy Cận là ở chỗ ông lấy động để nói tĩnh, lấy tiếng chợ vắng để

gợi nên không khí vắng lặng của không gian đồng thời thể hiện mong muốn được giao hòa, giao cảm của con người dù đó chỉ là thính giác.

Đã có ý kiến cho rằng, dòng Tràng giang là một giải buồn mênh mang. Thật đúng như vậy và hai câu thơ tiếp theo cái buồn của thiên nhiên của con người đã được tác giả đặt đến cái khôn cùng của nó.

*“Nắng xuống trời lên sâu chót vót,
Sông dài trời rộng bến cô liêu”.*

Đến đây nhà thơ đã vẽ nên một không gian ba chiều rộng lớn là chiều cao, chiều dài, chiều rộng, còn nhà thơ thì đứng ở bến cô liêu nơi giao thoa của vũ trụ đối lập giữa không gian lớn lao với cái tôi nhỏ bé của con người, từng vạt nắng chiếu xuống mặt nước phản chiếu lên bầu trời không gian như được đẩy lên cao hơn đến sự khốn cùng của nó “sâu chót vót”, là từ ngữ không chỉ để nói về độ sâu, mà còn dùng để nói về độ cao, tạo cho người đọc cảm giác về sự rộng ngợp của không gian và đứng trước không gian đó con người càng trở nên nhỏ bé đáng thương hơn.

Cuộc sống là điểm xuất phát là, đối tượng khám phá, là cái đích cuối cùng của thơ ca. Những tác phẩm nghệ thuật chân chính luôn bắt rễ từ đời sống hiện thực và có sức lan tỏa mãi trong trái tim bạn đọc. Đến với Tràng Giang của Huy Cận ta như khám phá được những nỗi niềm nhà thơ ký thác, nghe được tiếng thở dài bất lực của thi nhân trước cảnh nước nhà đang chìm trong khói lửa của chiến tranh, sự kết hợp hài hòa giữa cổ điển và hiện đại, sử dụng nhiều thi liệu trong thơ cổ, từ ngữ giản dị giàu hình ảnh, tất cả đã được làm nên thành công cho Tràng Giang của Huy Cận.

Tác phẩm đã khép lại nhưng mỗi lần đọc bài thơ nói chung và hai khổ thơ đầu nói riêng ta như thấy được nỗi sầu nhân thế của tác giả trong cảnh thiên nhiên hùng vĩ. Phân tích hai khổ đầu bài thơ Tràng giang nhưng có lẽ đó chính là lý do tại sao dù ra đời đã lâu nhưng Tràng Giang vẫn không bị bụi thời gian phủ mờ nó vẫn còn sáng mãi trong lòng bạn đọc yêu thơ nhiều thế hệ.

Phân tích bài thơ Tràng giang 2 khổ đầu - Mẫu 5

Huy Cận là 1 trong những tác giả tiêu biểu trong phong trào thơ mới. Thơ Huy Cận vừa có chất cổ điển vừa giàu chất suy tưởng của triết lý. “Tràng giang” thể hiện nỗi sầu của cái tôi trước thiên nhiên mênh mông, hiu quạnh trong đó thấm đượm tâm lòng đối vs quê hương đất nước của thi sĩ.

*"Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp,
Con thuyền xuôi mái nước song song.*

Thuyền về nước lại, sâu trăm ngả;

Củ một cành khô lạc mấy dòng"

Khổ thơ trên là khổ thứ nhất trong bài “Tràng giang”. Nghệ thuật đối có nhiều đối mới, khiến cho một mặt nó vẫn phát huy được thế mạnh của loại thơ cổ, tạo được vẻ đẹp cân xứng, không khí trang trọng, mặt khác, nó làm cho giọng điệu của bài thơ uyển chuyển, linh hoạt, tránh được sự khuôn sáo, cứng nhắc dễ thấy đối với một số bài thơ Đường luật hầu đầu thế kỉ. Hình ảnh bèo trôi dạt trên sông nối tiếp ý nghĩa của cành củi khô trong khổ thơ đầu, đó là sự trôi dạt không biết về đâu của những kiếp người nhỏ nhoi, lạc loài trong chính cuộc đời mình. Từ “không” xuất hiện 2 lần để khẳng định sự vô vọng từng khát khao gắn bó chút liên kết của 1 con người: ko 1 con đò ngang dọc trên sông, ko 1 cây cầu nối liền 2 bờ bên. Tất cả chỉ làm tăng thêm cái mênh mông lặng lẽ của công việc và cả sự trống trải lặng lẽ của cảnh vật. Đặt trong toàn bộ bài thơ, khổ 1,2,3 với sự xuất hiện lần lượt của hệ thống hình ảnh nhưng ko làm cho ko gian thêm ấm áp mà chỉ làm nổi bật 1 nỗi sầu buồn đơn côi hiu quạnh của hồn người và cảnh vật.

Vào những năm 30 của thế kỷ trước, đây là những câu thơ mới mẻ, bởi trong đó xuất hiện hình ảnh giản dị, “tần thường” là “củ một cành khô”. Thơ xưa thường nói đến những hình ảnh cao sang mà giới “tao nhân, mặc khách” thường ưa thích như trắng hoa, tuyết nguyệt... Đến thời kì Thơ mới, những hình ảnh “bình dân” như “củ một cành khô”, “con nai vàng ngơ ngác”, con hổ “gặm một mối cặm hờn trong cũi sắt” v.v... mới ào ạt xuất hiện, như là chỉ dấu về một “cuộc cách mạng trong thơ” (Hoài Thanh). Họ đang không biết đi đâu về đâu, giống như cành củi khô giữa ngã ba dòng nước.

Khổ thơ thứ hai, cũng là khổ thơ cuối cùng của bài thơ, hài hoà về nét cổ điển và hiện đại, được đánh giá là đặc sắc nhất trong kết cấu của bài thơ

"Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu,

Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều.

Nắng xuống, trời lên sâu chót vót;

Sông dài, trời rộng, bến cô liêu."

Cùng với những hình ảnh vừa sang trọng vừa bình dân”, vừa rất truyền thống mà lại cũng vừa rất Tây ấy, ta bắt gặp thêm âm thanh của buổi chợ chiều đã vắng từ xa đưa tới:

“Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều”

Đoàn Văn Cừ đã đặc tả thành công cái vẻ đẹp Việt Nam đặc thù trong bài Chợ Tết nổi tiếng:

“Ánh dương vàng trên cỏ kéo lê thê

Lá đa rụng tươi bời quanh quán chợ”.

Các từ “cao”, “sâu”, “rộng”, “dài” được sử dụng như một hệ thống để diễn tả không gian rộng lớn bao la. Đặc biệt, cách dùng từ đảo nghĩa và đối nghĩa giữa “lên” và “xuống”, giữa “cao” và “sâu” khiến người đọc có cảm giác bị choáng ngợp.

Đây là một hình ảnh đẹp, chứa đựng biết bao yêu mến of nhà thơ đối với thiên nhiên xứ sở. Giữa tầng tầng lớp lớp mây núi chông chênh ấy, nổi bật hình ảnh một cánh chim nhỏ đang sa xuống. Đôi cánh lấp lánh hoàng hôn khiến nó trông như 1 giọt nắng từ trên trời rơi xuống. Nhà thơ có cảm giác cả ko gian vũ trụ đang đè nặng lên đôi cánh nhỏ bé ấy khiến cho chim phải chao nghiêng đi. 2 câu thơ cuối được lấy từ 2 câu kết của Hoàng Hạc Lâu nhưng người xưa phải chờ có khói trắng trên sông mới thấy nhớ nhà. Còn Huy Cận chẳng cần có chút “yên ba” nào cũng thấy nhớ nhà da diết. Nỗi sầu hiện đại lớn hơn so với cổ nhân. Câu thơ gợi tả hình ảnh sóng gió tràng giang dường như chỉ còn gập ghềnh 1 chỗ.

Hai khổ thơ trên sử dụng thể thơ thất ngôn rất hợp lý, hiệu quả cùng với sự kết hợp của các từ láy, biện pháp tu từ, thủ pháp nghệ thuật tương phản đã làm nổi bật lên nỗi sầu của cái tôi cô đơn trước thiên nhiên, trong đó thấm đượm tình người, tình đời, lòng yêu nước thầm kín mà thiết tha. Tràng giang là bài thơ tiêu biểu cho phong trào thơ mới, không chỉ miêu tả quang cảnh quê hương đất nước mà còn thể hiện 1 tình yêu nước sâu nặng cùng nỗi buồn cô đơn, bơ vơ của con người ngay trên chính quê hương mình.

Trên đây là tổng hợp 5 bài văn mẫu Phân tích 2 khổ đầu bài Tràng giang lớp 11 hay, ngắn gọn được chúng tôi tổng hợp và sưu tầm từ các bài văn hay của học sinh trên cả nước. Hy vọng sẽ là nguồn tài liệu hữu ích giúp các em hoàn thiện bài viết Phân tích Tràng giang 2 khổ đầu trên lớp của mình. Cảm ơn đã theo dõi bài viết của chúng tôi!